TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Đém**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Thiện Khiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim T**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Ng, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: - Ông **Nguyễn Văn D**. (vắng mặt)

- Bà **Phạm Thị Q**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Ng, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/11/2018, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào ngày 26/7/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian chung sống được 08 năm. Trong thời gian chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vả nhau,vợ chồng không còn sống chung, đã ly thân 04 tháng nay do anh T không lo cho con, thường xuyên gây rối cuộc sống của chị. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 08/3/2014 hiện đang sống chung với chị. Chị xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 20/02/2019, người làm chứng ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông là cha ruột của anh T, giữa anh T và chị T thành hôn có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống ông không biết vợ chồng anh T có mâu thuẫn gì nhưng anh T đã đi làm Thành phố, chị T ở nhà bên cha mẹ ruột và nuôi 02 đứa con. Theo lời của anh T nói là chị T có quen với người đàn ông khác nhưng anh T không bắt gặp, ông thấy vợ chồng anh T sống không hạnh phúc. Về con chung thì vợ chồng anh T có 02 đứa con là Nguyễn Minh K, sinh năm 2011 và Nguyễn Minh Kh, sinh năm 2014 hiện đang sống với chị T.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 20/02/2019, người làm chứng bà Phạm Thị Q trình bày: Bà là mẹ ruột của chị T, giữa chị T và anh T thành hôn có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống bà thấy vợ chồng chị T thường cự cải do anh T thường nhậu và nghị ngờ chị T có quen người đàn ông khác, bà thấy vợ chồng chị T sống không hạnh phúc. Về con chung thì vợ chồng chị T có 02 đứa con là Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 08/3/2014 hiện đang sống với chị T, cuộc sống cũng đảm bảo.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin vắng mặt), bị đơn vắng mặt (không lý do), người làm chứng vắng mặt (có ý kiến xin vắng mặt).

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T, xử cho chị T ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 08/3/2014 cho chị Huỳnh Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí sơ

thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim T phải nộp 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh T cư trú tại ấp Ng, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T có đơn xin vắng mặt ngày 04/3/2019, bị đơn anh Nguyễn Thanh T được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Người làm chứng ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông D và bà Q đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Kim T và anh Nguyễn Thanh T thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101 vào ngày 26/7/2010 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh T thường xuyên cải vả do anh T ghen tuông nghị kỵ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc theo như lời trình bày của người làm chứng ông D và bà Q và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng trước ngày chị làm đơn xin ly hôn khoảng 04 tháng và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 08/3/2014 hiện đang sống trực tiếp với chị T, cuộc sống cũng đảm bảo và cháu K cũng có nguyên vọng sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Kim T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T. Xử cho chị T ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/8/2011 và Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 08/3/2014 cho chị Huỳnh Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Huỳnh Thị Kim T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Huỳnh Thị Kim T nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 0014979 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 26/7/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An